



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CUU
Last Middle First

Current Address: Xuan Tan Village, Xuan Loc District, Dong Nai Pr.

Date of Birth: 12/11/1935 Place of Birth: Binh Dinh, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/3/1975 To 6/2/81
Years: 6 Months: 2 Days: 18

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN CHIEN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Nguyen Nhan</u>	<u>Brother</u>
<u>Nguyen Khang</u>	<u>Brother</u>
<u>Nguyen Chien 1284</u>	<u>Brother</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Dec - 4 - 89
Gửi quý Hội Gia đình Li nhân chính trị V. N.

Quý Hội đã nhận hồ sơ của thân nhân tôi và tôi đã
được hội tập và cũng cảm ơn sự liễu tâm của quý hội và hôm
nay tôi nữa nên gửi thêm 1 giấy báo tin của thân nhân
kính xin gửi đến quý hội có thêm hồ sơ trong việc xét -

Hạng đóng cao đẹp của Quý hội chúng tôi vô cùng
cảm kích

Một lần nữa xin gửi đến quý hội lời cảm ơn nồng nhiệt

Nguyễn Khương

* Mrs tôi tên Nguyễn Cúc

Nguyễn Khánh (gửi) Dec 4-89

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
Phòng QL.XNC
Số : 186 /XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BẢO TIT

Kính gửi : Nguyễn Cúc

Hiện ở : Tân Phong - Xuân Tân - X. Lã

— Chúng tôi đồng ý cho : Ông cùng 6 người
trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước :

Mỹ

— Chúng tôi đã in danh sách 33 người ngày
3-11-1989 chuyển về Bộ Nội vụ để trao cho chính phủ
nước : Mỹ xét nhập cảnh.

Về việc cấp hộ chiếu :

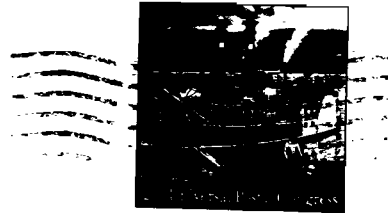
Sẽ cấp sau khi chính phủ
Mỹ chấp thuận cho gia đình ông
Nhập cảnh

Xin thông báo đề Ông rõ.

Đồng nai, ngày 4 tháng 1 năm 1989

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ XNC

Nhanghuyen



To: Families of Vietnamese political prisoners
Association

P.O. Box 5435 ARLINGTON

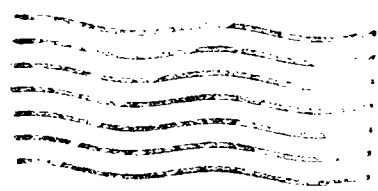
DEC 1 1989

VA 22205
0635

11

11

30



Nguyễn Quý



Nguyễn Thị Du



Nguyễn q.khai



Nguyễn th q.Sao



Nguyễn q. Thuận



Nguyễn th q Thuận



Nguyễn q. Thỉnh



INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN CUC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 11 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 230 Ba Hat 230
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận 10 Thành phố HOCHIMINH
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 1/13/75 To (Den): 6/21/81
PLACE OF RE-EDUCATION: A 30 Công An Tỉnh Phú Khánh
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): Nông
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ): Thủ đoạn Phó
Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): ✓
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 230 Ba Hat 230
Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh Vietnam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Nguyễn Chiến
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột
NAME & SIGNATURE: Khánh Nguyễn
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE: 10 31 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN CUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Đức	9/10/1946	vợ
Nguyễn Quang Khai	6/21/1969	con
Nguyễn Thị Quang Sao	6/1/1971	con
Nguyễn Quang Chuẩn	2/15/1974	con
Nguyễn Thị Quang Chuẩn	11/21/1980	con
Nguyễn Quang Chính	5/18/1985	con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN WC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 11 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : làng Xuân Tân, quận Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 4/3/75 To (Den): 6/2/81

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại A30 Công An tỉnh Phú Khánh
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): nhà nông

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Liên đoàn phó
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): ✓

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 230 Bà Hạt
quận 10 thành phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN CHIEN

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột

NAME & SIGNATURE: Khương
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 10 31 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN CUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
nguyen thi Di	1/10/1946	vợ
Nguyen quang Khai	6/21/1969	con
Nguyen thi quang Sao	6/1/1971	con
Nguyen quang thien	2/15/1974	con
Nguyen thi quang Thuan	11/21/1980	con
Nguyen quang thien	5/8/1985	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

7

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Số 576 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngày trước & các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại cải tạo A.30 Công an Tỉnh Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 835 / D43-5.6.1981 Công an Tỉnh Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: NGUYỄN CỤC — Bí danh: 3/10

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày: 11 tháng 12 năm 1935

— Sinh quán: An Nhơn Nghĩa Bình

— Trú quán: 41 Ngõ 2 Nguyễn Quỳnh Nghĩa Bình

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Không giáo — Đảng phái: Dân chủ

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: ĐẠI ỦY

Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 279 / ĐPQ Pleiku

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 3.4.1975

— Nay về cư trú tại: Quận Tân Xuân Tân Xuân Lộ Sông Hải

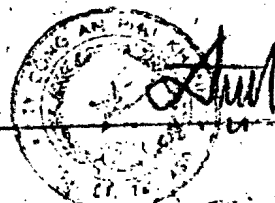
2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 1 tháng 10 năm 1981

Họ, tên, chức
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Nguyễn Cục



Đánh bản số:

Lệnh 1 cấp ngày 21.6.1981

TỈNH Bình-Dịnh
 QUẬN ---
 KÁ Qui-nhơn

Chứng Thư Hôn Thú

Số hiệu 00/55

Tên họ người chồng NGUYỄN-CỬU
 Nghề nghiệp Giáo-sư
 Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1935
 Tại Nhơn-Lý, An-Nhơn, Bình-Dịnh
 Cư sở tại Ấp Cường-Dã, Qui-nhơn
 Tạm trú tại ---
 Tên họ cha chồng Nguyễn-Nguyễn (sống)
 (Sống chết phải nói) Nguyễn-Thị-Như (sống)
 Tên họ mẹ chồng ---
 (Sống chết phải nói) NGUYỄN-THỊ-D
 Tên họ người vợ ---
 Nghề nghiệp Học sinh
 Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1948
Bình-Hoà, Bình-Khố, Bình-Dịnh
 Tại Bình-Hoà, Bình-Khố, Bình-Dịnh
 Cư sở tại Ấp Cường-Dã, Qui-nhơn
 Tạm trú tại ---
 Tên họ cha vợ Nguyễn-Vũ-Dương (chết)
 (Sống chết phải nói) LA-Thị-Bà (chết)
 Tên họ mẹ vợ ---
 (Sống chết phải nói) Chín, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu
 Ngày cưới trăm (09-02-1995)
 Vợ chồng khai hay không lập hôn thê //
 Ngày // tháng // năm //
 Tại //

Bản tại Nhà In LIÊN THÁI 251 Phan-bội-Châu QUI-NHƠN

Trích y bốn chính

Qui-nhơn ngày 08 tháng 3 năm 196 8

Chu-Tịch kiêm viên Hộ-tịch

Chung thuợ chu kử của ông Văn-Hoà
 Chu-Tịch kiêm hộ tịch tại Qui-nhơn
 Qui-nhơn ngày 08 tháng 3 năm 1968
 T/Trưởng ---
 Chư Đr ---

SAO Y RĂNG HÀNH

Ngày 5 tháng 8 năm 1968
 TẠI QUẬN THANH LÊ BIÊN HÒA
 HÀNH VĂN-PHONG

ANH PHÚC VĂN-PHONG



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1552/QĐ-UBT

---000---

Biên hoà, ngày 29 tháng 9 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Căn cứ nghị định số 24/CP ngày 2 tháng 2 năm 1986 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp Tỉnh.
- Căn cứ sắc lệnh số 175/SL ngày 15 tháng 8 năm 1975 của Chủ tịch nước và nghị định số 298/TTG ngày 15 tháng 8 năm 1975 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc quản chế giáo dục những đối tượng đã mãn hạn tù hoặc tập trung giáo dục cải tạo tha về.
- Căn cứ biên bản họp xét duyệt của khối Nội chính huyện Xuân Lộc ngày 2 tháng 9 năm 1982 và theo sự đề nghị của Ban Giám đốc Ty Công an Đồng Nai.

() U Y E T - () I N H
---000---

Điều 1: Giải quản trả quyền công dân cho:

Họ và tên: Nguyễn Đức
Năm sinh: 1935
Trú quán: 82. K. ấp Cẩm Tân Xã Xuân Tân Huyện Xuân Lộc
Cấp bậc chức vụ cũ: Đại úy. Tiểu đoàn. pháo
Đơn vị: Đoàn phòng quân
Quản chế ngày tháng năm:

Điều 2: Các ồng Chánh văn phòng Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Huyện, Xã, Phường và đương sự căn cứ quyết định thi hành.

Số 4 số 36-84-UBT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Phó Chủ tịch

Đã ký

HOÀNG VINH PHÚ



Nguyễn Văn Dân

Phạm Văn Na

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Xuân Tân
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

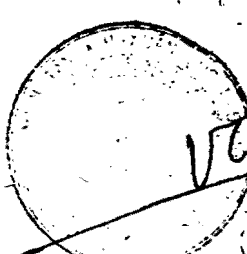
Mẫu: HT2/P3

^{Đ. S. S. C.}
GIẤY KHAI SINH

Số: 102 88

Quyển số: 03

Họ và tên	<u>NGUYỄN QUANG THỊNH</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười tám tháng năm, năm một nghìn chín trăm tám mươi lăm (18-05-1985)</u>		
Nơi sinh	<u>Ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh).	<u>Nguyễn Quốc</u> <u>1935</u>	<u>Nguyễn Thị Dư</u> <u>1946</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Ấp Cẩm Tân, Xuân Tân, Xuân Lộc, Đồng Nai</u>	<u>Ấp Cẩm Tân, Xuân Tân, Xuân Lộc, Đồng Nai</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Quốc sinh năm 1935, cấp chứng minh số 270790508 cấp tại Cẩm Tân, Xuân Tân, Xuân Lộc, Đồng Nai</u>		

Sau y ban chính
Xuân Tân, ngày 28.8.1985
TM UBND xã
N. V. T. AL

Chân văn

Đăng ký ngày tháng năm 198
(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã Thị trấn Quận Tân
Thị xã, Quận Quận Tân
Thành phố, Tỉnh Đông Nai

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SÀO

GIẤY KHAI SINH

Số 100272
Quyển số 02

Họ và tên	NGUYỄN THỊ QUANG THẠNH		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi một tháng mười một năm một nghìn chín trăm tám mươi (21-11-1980)		
Nơi sinh	Tổ 13, Khóm I, Phường 1, Thị xã Đông Nai		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Văn 14-11-1935	Nguyễn Thị Di 10-01-1946	
Dân tộc	Sinh	Sinh	
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Tân Tân, Quận Tân, Tỉnh Đông Nai		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Di sinh năm 1946 Phường 1, Ấp Tân Tân và Quận Tân, Quận Tân, Tỉnh Đông Nai		

NHẬN THỰC SÀO Y BẢN CHÍNH

Nguyễn Văn Ngày 04 tháng 1 năm 1982
TM/UBND Nguyễn Văn ký lên đóng dấu
03/01/82

Đang ký ngày 04 tháng 1 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đ. Chủ tịch Đoàn Minh Hiền



Đ. Văn Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Xuân Tân
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P 2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	NGUYỄN QUANG THUẬN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười lăm tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (15-02-1974)</u>		
Nơi sinh	<u>Hồ Thượng, Hồ Phú, Lê Trung Kiên</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Đức</u> <u>11-12-1935</u>	<u>Nguyễn Thị Dư</u> <u>10-01-1946</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Ấp Cẩm Tân, Xuân Tân, Xuân Lộc, Đồng Nai</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1946</u> <u>Thường trú Ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, Xuân Lộc, Đồng Nai</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày _____ tháng _____ năm 19____
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Xuân Tân Ngày 27 tháng 5 năm 1982
TM/UBND Xuân Tân ký tên đóng dấu

Chữ ký
Đoàn Lăng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã Thị trấn Quần Lân
Thị xã. Quận Quần Lân
Thành phố, Tỉnh Đông Nai

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

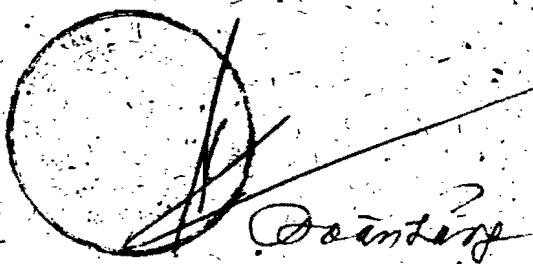
Họ và tên	NGUYỄN TIỂU QUANG SAO		Nam, nữ <u>qu</u>
Sinh ngày tháng, năm	Mét, tháng Sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (01-06-1971)		
Nơi sinh	Ấp Gi Gôi, thị xã Quinhơn		
KHAI VỀ CHA MẸ			
	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Quốc 11-12-1955	Nguyễn Thị Del 10-01-1946	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Quản lý	Nông	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Cẩm Tân, Quận Tân Tuyên Lộc, Tỉnh Đông Nai		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Del sinh năm 1946 Phụ nữ ở Ấp Cẩm Tân, Quận Tân Tuyên Lộc Đông Nai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 01 tháng 07 năm 1971
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Quần Lân Ngày 15 tháng 5 năm 1971
TM/UBND Quần Lân ký tên đóng dấu
Chánh

Đã ký Nguyễn Văn



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Quận Tân
Thị xã, Quận Quận Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P 2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số _____

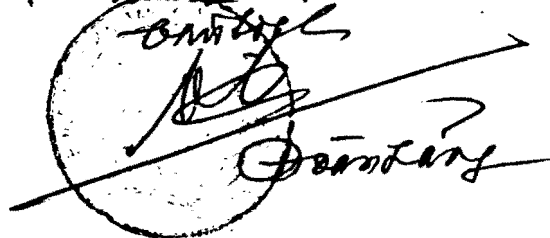
Họ và tên	NGUYỄN QUANG KHAI		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi một tháng sáu, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (21-06-1969)		
Nơi sinh	Cát Trinh, Phu Cát, Bình Định		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Cúc 11-12-1965	Nguyễn Thị Dư 10-01-1945	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Mang Ấp Cẩm Tân, Quận Tân Quận Lộc Đồng Nai		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1946 Thường trú Ấp Cẩm Tân, Quận Tân Quận Lộc Đồng Nai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Quận Tân Ngày 31 tháng 5 năm 1969
TM/UBND Quận Tân ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 02 tháng 07 năm 1969
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký: Phan Cao Chi



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Quần Tân
Thị xã. Quận Quận Lào
Thành phố. Tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	<u>NGUYỄN CỤC</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười một, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm (11-12-1935)</u>		
Nơi sinh	<u>Đã ở nhà ông huyện An Nhơn tỉnh Nghĩa Bình</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Nguyên</u> <u>1908</u>	<u>Nguyễn Thị Nhàn</u> <u>1910</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Đinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Đinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đông</u> <u>Ấp Cẩm Tân, Quận Tân</u> <u>Thị trấn Đồng Nai</u>	<u>Đông</u> <u>Ấp Cẩm Tân, Quận Tân</u> <u>Thị trấn Đồng Nai</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Nguyên, sinh năm 1908</u> <u>Thường trú ở Cẩm Tân, Quận Tân</u> <u>Thị trấn Đồng Nai</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Xuân Ngày 25 tháng 02 năm 1967
TM/UBND Xuân ký tên đóng dấu
chánh

Đã ký ngày 16 tháng 03 năm 1967
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký Nguyễn Văn Nghĩa



Đã ký
Đã ký

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Kuôn Tân
Thị xã, Quận Kuôn Lộc
Thành phố, Tỉnh Định Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 1646
Quyển số ---

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

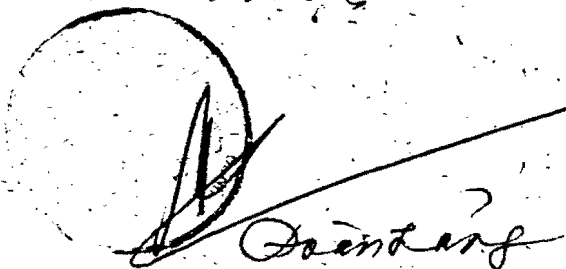
Họ và tên	NGUYỄN THỊ DƯ		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười tháng một năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (10-01-1946)</u>		
Nơi sinh	<u>Đã Phòng học, huyện Tây Sơn Tỉnh Nghệ An</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Quốc Chính</u> <u>Sinh năm 1940 (chết)</u>	<u>Đo Thị Ba</u> <u>Sinh năm 1940 (chết)</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Không</u>	<u>Không</u>	
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Quốc Chính</u> <u>Sinh năm 1940 (chết)</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Kuôn Tân Ngày 20 tháng 8 năm 1958
TM/UBND Kuôn Tân ký tên đóng dấu
B. K. H. T. C.

Đăng ký ngày 20 tháng 8 năm 1958
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký: Nguyễn Thành



Fill out this questionnaire in English as completed as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào sổ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc được hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi sổ câu hỏi này tới :
127 Panjabban Building
Sathorn Tai Road
BANGKOK 10120 THAILAND

A- BASIC IDENTIFICATION DATA/LÝ LỊCH CÁ NHÂN :

- 1- Name : NGUYỄN CUC Sex : M.
Họ và tên Phái
- 2- Other names : NO
Họ, tên khác
- 3- Date/Place of birth : Dec. 11. 1935 - Binh Dinh Province
Ngày/nơi sinh
- 4- Residence address : An Tan Village, Xuan Loc District Dong Nai Pr.
Địa chỉ thường trú
- 5- Mailing address : 230 Ba Hat - District 10 - Ho Chi Minh City
Địa chỉ thư từ
- 6- Current occupation : Gardener
Nghề nghiệp hiện tại

B- RELATIVES TO ACCOMPANY ME/ẢI CÙNG CON CÙNG ĐI VỚI TÔI :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow : Married (M), divorced (D) widowed (W) or single (S).

Chú ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau : Đã lập gia-đình (M) Đã ly dị (D) góa phụ/góa tử (W) hoặc độc thân (S).

NAME HỌ VÀ TÊN	DATE OF BIRTH NGÀY THÁNG NĂM SINH	PLACE OF BIRTH NƠI SINH	SEX PHÁI	MS	RELATIONSHIP LIÊN HỆ GIA-ĐÌNH
1- Nguyễn Thị Dũ	Jan. 12. 1966	Binh Dinh Pr.	F.	M.	Wife
2- Nguyễn Quang Khai	June 21. 1964	Binh Dinh Pr.	M.	S.	Son
3- Nguyễn Thị Ngọc Sào	June. 1. 1971	Binh Dinh Pr.	F.	S.	Daughter
4- Nguyễn Quang Thuận	Feb. 15. 1974	Pleiku Pr.	M.	S.	Son
5- Nguyễn Thị Ngọc Thuần	Nov. 21. 1980	Binh Dinh Pr.	F.	S.	Daughter
6- Nguyễn Quang Trọng	May 18. 1985	Dong Nai Pr.	M.	S.	Son
7-					
8-					
9-					
10-					

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed) identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below)

CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia-đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng nếu góa phụ/góa tử , thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn, không chung ngự với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/HỌ HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI

Of myself/của tôi	Of my spouse/của vợ/chồng
1- Closest relative in the U.S.A.	
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	
a- Name CHIEN NGUYEN	
Họ tên	
b- Relationship Brother	
Liên hệ gia-đình	
c- Address :	
Địa chỉ	
d- Date of relatives arrival in the US	
Ngày bà con đến Mỹ 12-1971	

D- OTHER RELATIVES IN OTHER COUNTRIES :

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a- Name
Họ và tên

b- Relationship
Liên hệ gia-đình

c- Address :
Địa chỉ

D- COMPLETE FAMILY LISTING (living dead) danh sách toàn thể gia-đình (sống/chết)

1- Father : Nguyễn Nguyễn (Dead)
Cha

2- Mother : Nguyễn Thị Như (76 years of age) living U.S.A
Mẹ

3- Spouse : Nguyễn Thị Du
Vợ/chồng

4- Former spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có)

5- Children
con cái :

- 1- Nguyễn Quang Khai
- 2- Nguyễn Thị Quang Sao
- 3- Nguyễn Quang Thuận
- 4- Nguyễn Thị Phan Thuận
- 5- Nguyễn Quang Chính

6- Siblings :

- Anh chị em 1- Nguyễn Thị Khâm (Dead)
 2- Nguyễn Văn U.N.
 3- Nguyễn Văn N.S.A
 4- Nguyễn Văn Khâm U.S.A
 5- Nguyễn Văn Chiếu U.S.A
6-
7-
8-

E- Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organization of you or your spouse - Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc hàng Mỹ.

1- Employee name :
Tên họ nhân viên

2- Position title:
Chức vụ

3- Agency/company/office : From : To :
Sở/hàng/văn phòng Từ : Đến:

4- Name of American supervisor
Tên họ giám thị Mỹ

II- Employee name :
Tên họ nhân viên

Position title :
Chức vụ

Agency/company/office :
Sở/hàng/văn phòng

Length of employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ : Đến:

Name of american supervisor :
Tên họ giám thị Mỹ

Reason for separation :
Lý do nghỉ việc :

3- Employee name :
Họ tên nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/company/office :
Sở/hàng/văn phòng

Length of employment From : To :
Thời gian làm việc Từ : Đến:

Name of american supervisor :
Tên họ người giám thị

Reason for separation : Lý do nghỉ việc :

F- Service with GVN or RAVN by you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt-Nam.

1- Name of person serving :

Họ tên người tham gia

Nguyễn Cui

2- Ngày tháng năm

Từ : 1965

Tới : 1975

Dates :

3- Last rank :

Cấp bậc cuối cùng

Captain

Serial number :

Số thẻ nhân viên

59/161474 (A.N)

4- Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/đơn vị binh chủng

Battery 279 RF Pleiku

5- Name of supervisor/C.O.

Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy

Nguyễn Hải Châu

6- Reason for separation :

Lý do nghỉ việc :

No Government

7- Names of american advisor(s) :

Họ tên cố vấn mỹ

Miller (1968-1969) Phu Cat District
Bến Dinh Ph

8- U.S. Training courses in Vietnam :

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt-Nam

9- U.S Awards or certificates

Name of award : One Silver Star, three

Phần thưởng hoặc giấy khen

Bronze Star

Date received : Don't remember

Ngày nhận

(NOTE) Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available & Yes:----no----

(CHÚ Ý) Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có.

Đương sự có không : Có _____ không _____)

G- Training outside Vietnam of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc.

1- Name of student/trainee :

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện

2- School and school address :

Trường và địa chỉ nhà trường

3- Dates :

Ngày, tháng, năm

From :

Từ

To :

Tới

4- Description of courses :

Mô tả ngành học

5- Who paid for training .

Ai tài trợ chương trình huấn luyện

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Yes _____ No _____

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không. Có _____ Không _____

H- Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1- Name of person in re-education :

Họ và tên người đi học tập cải tạo

Nguyễn Cui

2- Time in re-education :

Thời gian học tập

6 years

2 months
18 days

From :

Từ

To :

Tới

Apr. 3, 1975

June 21, 1981

3- Still in reeducation :

Vẫn còn học tập cải tạo :

Yes :

Có

No :

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate).
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I- ANY ADDITIONAL REMARK /CƯỚC CHỮ PHỤ THUOC :

... I was born Dec. 11. - 1939. instead Dec. 11. 1935 (After 1935)

.....
.....
.....
.....
.....

SIGNATURE



DATE : June 12 - 1989

KÝ TÊN

NGÀY

J- Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu trên tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

1 birth Certificate
3 Photos
1 Marriage Certificate
1 release Certificate



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: KHANG NGUYEN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nha) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN CUC
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: \$20 (tùy ý)

Thủ tục, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: KHANG NGUYEN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nha) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN CUC
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liễm: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: \$20 (tùy ý)

pioneer savings bank

KHANG NGUYEN

346

11/3 19 89

63-8404
2631

PAY TO THE
ORDER OF

Families of Vietnamese political prisoners \$ 20.00
Twenty dollar X DOLLARS



Highway 436 & 17-92 42
Fern Park, Florida 32730

MEMO

Khong Nguyen

C O N T R O L

☐ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☒ Membership; Letter

8/25/89

Tr. Khang Nguyen



POSTAGE DUE . 55

NOV 15 1989

TO: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 22205

Pd.

11-15